

**PHỤ LỤC 8.2**

**BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN VEN TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH  
 (Thuộc huyện Khánh Sơn)**

Khung giá đất ở	
Loại đường	Giá đất
1	800,000
2	400,000
3	200,000

**A. ĐẤT Ở**

STT	TÊN ĐƯỜNG	Loại đường	Hệ số	Giá đất theo hệ số
<b>I</b>	<b>TỈNH LỘ 9</b>			
<b>1</b>	<b>Đoạn qua xã Ba Cạm Bắc</b>			
1.1	Đoạn từ đình đèo đến giáp quán bà Thúy (cây da)	3	0.70	140,000
1.2	Đoạn từ quán bà Thúy (cây da) đến Nghĩa trang liệt sĩ	3	0.70	140,000
1.3	Đoạn từ Nghĩa trang liệt sĩ đến đầu giáp ranh giới giữa thị trấn Tô Hạp và xã Ba Cạm Bắc	3	1.00	200,000
<b>2</b>	<b>Đoạn qua xã Sơn Bình</b>			
2.1	Đoạn từ ngã ba đường cầu Gỗ đến cầu Sơn Bình	3	0.70	140,000
2.2	Đoạn từ cầu Sơn Bình đến giáp xã Sơn Lâm	3	0.65	130,000
<b>3</b>	<b>Đoạn qua xã Sơn Lâm</b>			
3.1	Đoạn từ giáp ranh xã Sơn Bình đến nhà ông Bùi Dần, thôn Cam Khánh	3	0.65	140,000
3.2	Đoạn từ nhà ông Bùi Dần, thôn Cam Khánh đến cầu tràn KoRóa	3	0.70	140,000
3.3	Đoạn từ cầu tràn KoRóa đến giáp ranh xã Thành Sơn	3	0.70	140,000
<b>4</b>	<b>Đoạn qua xã Thành Sơn</b>			
4.1	Đoạn từ cuối thôn HaNit xã Sơn Lâm đến thôn A pa 1	3	0.70	140,000
4.2	Đoạn từ thôn A pa 1 đến giáp ranh giới xã Phước Bình, huyện Bắc Ái, Ninh Thuận	3	0.70	140,000

**B. ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP**

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cụ thể được xác định theo vị trí, loại đường, hệ số như xác định giá đất ở và bằng 30% giá đất ở đã quy định tại mục A nêu trên nhưng không được dưới khung giá tối thiểu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 quy định kèm theo Quyết định về giá các loại đất năm 2013.